

Bản án số: 94/2019/DS-ST
Ngày: 19-8-2019.
V/v “*Tranh chấp QSD ranh đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Tư**.
2. Ông **Nguyễn Văn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Khôi** - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thủy Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2017/TLST- DS, ngày 09 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng ranh đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 594/2019/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 696/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

***. Nguyên đơn:**

- **Trần Thị Thu T**, sinh năm 1973 (*Xin vắng mặt*).

Cư trú: Số x/y, đường PH, khóm Z, phường N1, thành phố VL, tỉnh Vinh Long.

- **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1970 (*Xin vắng mặt*).

Cư trú: Số xx, khóm z, phường N1, thành phố VL, tỉnh Vinh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Lê Thị H** là Luật sư, Trưởng văn phòng Luật sư Lê Thị H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vinh long (*Luật sư H vắng mặt theo yêu cầu của nguyên đơn*).

*** Bị đơn:**

- **Phạm Văn H**, sinh năm 1966.

- **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1966.

Cùng cư trú: Số xx/y, khóm Z, phường N1, thành phố VL, tỉnh Vinh Long.

Ông H và bà L cùng ủy quyền cho ông **Nguyễn Mạnh K**, sinh năm 1962 - Địa chỉ: Số xx/yy, đường TP, phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Ông *Khương có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-02-2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 07-5-2017 nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn N và vợ là Trần Thị Thu T có 02 thửa đất gồm: Ông N được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17-6-2015, số phát hành BV 050632, diện tích đất sử dụng là 449,3 m² thuộc thửa số 194, tờ bản đồ số 49, địa chỉ khu đất tại khóm 3, phường 9, thành phố Vĩnh Long; bà T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 05-8-2016, số phát hành BL 443355, diện tích đất sử dụng là 459,4 m² thuộc thửa số 193, tờ bản đồ số 49, địa chỉ khu đất tại khóm Z, phường N1, thành phố Vĩnh Long.

Quá trình sử dụng đất, giáp ranh với phần đất của ông N và bà T là phần đất của vợ chồng ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L do ông H đứng tên quyền sử dụng đất thuộc thửa 389, tờ bản đồ số 49. Năm 2015, ông H và bà L xây dựng nhà ở kiến cổ và xây dựng hàng rào lấn ranh qua thửa 193 và thửa 194 khoảng 2,79 m² và xây dựng ô văng + máng xối lấn không gian. Vì vậy, ông N và bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L tháo dỡ ô văng + máng xối phần không gian và tháo dỡ, di dời hàng rào trả lại hiện trạng quyền sử dụng đất cho ông N và bà T thuộc thửa đất 193 và thửa 194, tờ bản đồ số 49 theo diện tích được cấp quyền sử dụng đất.

Bị đơn: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Mạnh K trình bày. Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L là vợ chồng sở hữu sử dụng phần đất diện tích 552,2 m² thuộc thửa 389, tờ bản đồ số 49 do ông H đứng tên quyền sử dụng đất liền kề phần đất của ông N và bà T.

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Vì, phía bị đơn không có lấn ranh đất và không gian, bị đơn xây dựng nhà theo diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại biên bản hòa giải ngày 07-6-2017, bị đơn vẫn khẳng định không lấn ranh đất và không gian qua phần đất của nguyên đơn. Trường hợp Tòa án trung cầu khảo sát đo đạc hiện trạng có kết quả xác định của cơ quan chuyên môn nếu bị đơn có lấn ranh thì bị đơn sẽ tháo dỡ di dời tài sản trả cho nguyên đơn phần đất và không gian, đồng thời bị đơn chịu toàn bộ chi phí khảo sát đo đạc và định giá tài sản.

Tòa án đã trưng cầu Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố VL kết hợp Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố VL tiến hành khảo sát đo đạc hiện trạng các thửa đất tranh chấp (Đo đạc giữa thửa 193, tờ bản đồ 49 với thửa 389, tờ bản đồ 49 tại khóm z, phường N1, thành phố VL và đo đạc giữa thửa 194, tờ bản đồ 49 với thửa 389, tờ bản đồ 49 tại khóm Z, phường N1, thành phố VL). Qua khảo sát đo đạc theo sự chỉ ranh của các bên đương sự, ngày

08-02-2018 Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VL có 02 công văn (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ) gồm: Công văn số 14/PTNMT kết luận: Theo sự xác định ranh đất của bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L có diện tích là 556,6 m² trong đó có 0,4 m² tranh chấp thuộc chiết thửa 194 của ông N; công văn số 15/PTNMT kết luận: Theo sự xác định ranh đất của bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L có diện tích là 556,6 m² trong đó có 2,9 m² tranh chấp với bà Thủy, có 2,5 m² thuộc chiết thửa 193 và 0,4 m² thuộc thửa 389.

Tòa án công khai chứng cứ kết quả đo đạc 02 công văn (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ) số 14 và số 15 nêu trên. Phía bị đơn không thống nhất kết quả đo đạc trả lời của 02 công văn 14 và 15 nêu trên, bị đơn yêu cầu khảo sát đo đạc lại. Qua khảo sát đo đạc lần 2 theo sự chỉ ranh của các bên đương sự. Ngày 17-9-2018, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VL có công văn số 109/CV-PTNMT (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ) kết luận: Theo sự xác định ranh đất của bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L có diện tích là 556,8 m² trong đó có 3,0 m² tranh chấp, có 0,4 m² chiết thửa 194 của ông N và 2,6 m² thuộc thửa 193 của bà T.

Tại biên bản hòa giải ngày 22-10-2018, đại diện bị đơn thống nhất, không khiếu nại gì đối với kết quả khảo sát đo đạc lần 02 theo công văn số 109/CV-PTNMT ngày 17-9-2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vĩnh Long. Tuy nhiên ông K đại bị đơn xin thời gian trao đổi với bị đơn về cách thức khắc phục phần đất lấn chiếm và không gian cùng chi phí tổ tụng nhưng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.

Ngày 26-6-2019, nguyên đơn ông N và bà Thủy có đơn rút đơn khởi kiện có kèm theo điều kiện: “ *Rút yêu cầu khởi kiện, lý do bị đơn đã tự nguyện tháo dỡ, di dời tài sản trả lại hiện trạng không còn lấn sang quyền sử dụng đất của ông N và bà T nhưng với điều kiện bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng bao gồm chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản trả lại cho nguyên đơn theo số tiền tạm ứng chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp, nếu bị đơn không đồng thì đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử...*”. Tòa án tiến hành ghi lời khai bị đơn về yêu cầu rút đơn kiện có điều kiện của nguyên đơn, phía bị đơn thống nhất việc rút đơn của nguyên đơn nhưng không đồng ý chịu tiền chi phí khảo sát đo đạc để trả lại cho nguyên đơn, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu bị đơn trả lại chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản lại cho nguyên đơn.

- Bị đơn do người đại diện trình bày: Sau khi có kết quả khảo sát đo đạc lần 2 theo trả lời công văn số 109/CV-PTNMT ngày 17-9-2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VL. Bị đơn đã tự nguyện di dời hàng rào và cắt ô văng + máng xối phần không gian trả lại hiện trạng đất cho nguyên đơn theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ kèm theo công văn 109 nói trên nên hiện nay không còn lấn ranh đất nữa.

Nguyên đơn rút đơn khởi kiện là phù hợp hiện trạng thực tế, về chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản đề nghị Hội đồng xét xử phán quyết, bị đơn sẽ chấp hành theo phán quyết bản án.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, thủ tục tố tụng và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử vụ án:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền loại việc và theo lãnh thổ theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc Thông báo thụ lý vụ án cho đương sự, thu thập chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng, tuân thủ đúng các bước thu thập chứng cứ và cấp tổng đạt văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự và thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Quá trình kiểm sát xét xử tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các bước tố tụng đúng quy định và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đưa vụ án ra xét xử vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thư ký thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét lời trình bày của nguyên đơn phù hợp chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận một phần:

Bởi các lẽ trên đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, Điều 217; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án; Áp dụng Điều 175 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 166, 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013 Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông N và bà T yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L phải tháo dỡ hàng rào trả lại phần đất lấn chiếm; buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L chịu chi phí tố tụng (Chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản tranh chấp) và nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Đây là vụ án có quan hệ pháp luật về tranh chấp quyền sử dụng ranh đất, các đương sự tham gia tố tụng đảm bảo năng lực pháp luật tố tụng dân sự và

năng lực hành vi tố tụng dân sự. Vì vậy, vụ án này thuộc thẩm quyền loại việc của Tòa án lý giải quyết theo quy định tại các Điều 26, 35, 39, 69 và Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

- Khi ông N và bà T khởi kiện bị đơn ông H và bà L 02 vụ án độc lập. Trong quá trình giải quyết tiếp theo, 02 vụ án có cùng bị đơn, đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất nên Chánh án Tòa án nhân dân thành phố VL ra Quyết định nhập vụ án số 04/2017/QĐST-DS ngày 29-9-2017 nhập 02 vụ án của 02 nguyên đơn Nguyễn Văn N kiện Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L; Trần Thị Thu T kiện Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L thành 01 vụ án có nguyên đơn Nguyễn Văn N, Trần Thị Thu T với bị đơn Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L. Vì vậy, các bước tố tụng tiếp theo thực hiện theo thủ tục chung của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng nguyên đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập trong giai đoạn chuẩn bị xét xử; lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa. Xét yêu cầu khởi kiện và đơn rút yêu cầu khởi kiện có điều kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy theo kết quả khảo sát đo đạc cùng các công văn số 14 và số 15 ngày 08-02-2018 và công văn 109 ngày 17-9-2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VL (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ) nêu trên cho thấy tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện phía bị đơn đã xây dựng nhà ở và làm hàng rào lấn sang quyền sử dụng đất của nguyên đơn sử dụng thửa đất 193 và thửa 194, tờ bản đồ số 49. Phía bị đơn sau khi nhận được kết quả đo đạc đã tự nguyện tháo dỡ di dời tài sản trả lại hiện trạng quyền sử dụng đất cho nguyên đơn nên thực tế hiện tại thời điểm xét xử bị đơn không còn lấn chiếm đất của nguyên đơn (So với ban đầu chưa tiến hành khảo sát đo đạc thì bị đơn thực tế đã xây dựng nhà, làm hàng rào lấn qua phần đất của nguyên đơn) nên nguyên đơn không còn yêu cầu trả lại ranh giới đất, rút đơn khởi kiện kèm theo điều kiện bị đơn phải trả lại chi phí khảo sát đo đạc do nguyên đơn đã tạm ứng chi phí thực tế cho khảo sát đo đạc, định giá tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chỉ xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả lại chi phí tố tụng về khoản chi cho khảo sát đo đạc và định giá tài sản. Như phân tích trên theo kết quả khảo sát đo đạc và các công văn số 14 và số 15 ngày 08-02-2018 và công văn 109 ngày 17-9-2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố VL (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai đo vẽ) nêu trên đều thể hiện kết luận phía bị đơn xác định ranh (Theo hiện trạng hàng rào của bị đơn xây dựng) lấn qua phần đất của nguyên đơn, cụ thể lấn thửa 193 của bà Thủy 2,6 m² và lấn thửa 194 của ông N 0,4 m² nhưng do phía bị đơn tự nhận ra đã xây dựng hàng rào lấn chiếm đất của nguyên đơn nên bị đơn tự nguyện tháo

dỡ di dời hàng rào và tháo dỡ ô văng + máng xối trả lại hiện trạng ranh đất cho nguyên đơn nên phía nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện nhưng kèm theo điều kiện đòi bị đơn chịu chi phí khảo sát, đo đạc. Vì vậy bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản trả cho nguyên đơn là phù hợp pháp luật. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 07-6-2017 (Trước khi tiến hành khảo sát đo đạc) bị đơn có ý kiến nếu bị đơn lấn ranh thì bị đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng, đồng thời đo đạc lần sau do bị đơn yêu cầu đo đạc lại. Cụ thể, Tòa án đã chi tiền 02 lần chi phí khảo sát đo đạc, định giá bằng số tiền 7.562.300 đồng từ số tiền tạm ứng chi phí tố tụng của đương sự nộp 13.000.000 đồng (Nguyên đơn nộp tạm ứng 8.000.000 đồng và bị đơn nộp tạm ứng 5.000.000 đồng). Tòa án đã trả cho nguyên đơn (Bà T nhận ngày 14-8-2019) số tiền còn thừa từ các đương sự tạm ứng là 5.437.700 đồng. Như vậy buộc bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng 7.562.300 đồng đã chi, trừ vào số tiền bị đơn đã nộp tạm ứng 5.000.000 đồng nên bị đơn trả cho nguyên đơn tiếp số tiền chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản là 2.562.300 đồng (8.000.000 đồng nguyên đơn tạm ứng - tiền thực tế đã chi 7.562.300 đồng = 2.562.300 đồng).

Về án phí: Bị đơn phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, Điều 217; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự; các Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013 Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;

Tuyên xử:

1. Về nội dung:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thu T yêu cầu bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L trả lại phần đất lấn chiếm phần xây dựng hàng rào, ô văng + máng xối.

- Buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thu Thủy số tiền 2.562.300 đồng (*Hai triệu, năm trăm sáu mươi hai ngàn, ba trăm đồng*) chi phí tố tụng (*Chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản tranh chấp*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị Ngọc L cùng có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn N 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N₀ 0002542, ngày 25-4-2017 và trả lại cho bà Trần Thị Thu T 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N₀ 0002543, ngày 25-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

4. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, có mặt đại diện bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để xin Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- TAND tỉnh VL;
- THADS TPVL;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Tuấn